

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **48** /2017/HSST
Ngày : 27-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hà Văn Thuận

2/ Ông Lê Đức Sơn.

Thư ký phiên tòa: Trần Đình Trường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: ông Đinh Công Quảng- Kiểm sát Viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2017/HSST, ngày 30/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Bùi Trần Thanh S, sinh ngày 22/2/1997

Nơi cư trú: Thôn Z, xã VH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 14/9/2016 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng.

Nhân thân: Ngày 2/2/2015 bị kết án 9 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng, chấp hành xong hình phạt ngày 28/8/2015.

Con ông Bùi Thanh N và bà Trần Thị L.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/5/2017, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ - Có mặt.

2. Trương Tiến D, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn X, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 1/12;

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Trương Công M và bà Phạm Thị T; có vợ Nguyễn Thị Hồng G, có 01 con sinh năm 2014.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27/5/2017, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đức Linh - Có mặt.

-Người bị hại:

+ Ông **Hồ Văn B**, sinh năm 1967

Trú tại: Tổ 2, khu phố Y, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

+ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn Z, xã SN, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố về các hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 25/5/2017: Bùi Trần Thanh S, Trương Tiến D và Nguyễn Ngọc A rủ nhau đi trộm cắp tài sản. D điều xe mô tô biển số 86B8- 276.20 của mình chở S và A đi đến địa bàn xã SN, huyện Đ. Khi đến trước nhà bà Nguyễn Thị T thuộc thôn Z, xã SN, D đứng ngoài canh, còn S và A vào cạy cửa nhà bà T trộm 01 điện thoại hiệu Samsung A7 và 70.000 đồng. Trong lúc S và A thực hiện hành vi trộm cắp, bên ngoài D bị một số thanh niên đập phá xe, D la lên thì S và A đem điện thoại giấu vào đồng rom, rồi chạy ra chỗ D, thì các thanh niên đập phá xe của D bỏ chạy. Thấy xe của D bị hư, S điện thoại cho Võ Minh C, sinh năm 1997 ở thị trấn VX, huyện Đ qua đẩy dùm xe về. C điều khiển xe mô tô qua SN chở S, D, A và đẩy xe của D về nhà C gửi.

A mượn xe của C để chở D và S quay lại xã SN lấy điện thoại đã giấu trước đó rồi quay về VX. Khoảng 4 giờ sáng ngày 26/5/2017, khi đi đến trước nhà ông Hồ Văn B thuộc khu phố Y, thị trấn VX, A rủ vào nhà ông B trộm cắp tài sản. A đứng ngoài canh, còn S và D đi vào nhà và đến cửa nhà trên bên trái. S và D dùng kéo mang theo lòn qua khe hở của cánh cửa, mở chốt cửa rồi đi vào trong nhà tìm và lấy: 01 ống nhôm hiệu Pomei, 01 máy tính bảng (Ipad) hiệu Samsung, 01 điện thoại hiệu Xphone, 02 con heo đất, 45,62 chỉ vàng 24K và 18K và 18.500.000 đồng. Sau đó cả ba chạy về một vườn cao su thuộc khu phố 8, thị trấn Đức Tài, huyện Đ để chia tài sản trộm cắp. Tại đây S chia được 6.500.000 đồng, D và A mỗi người 6.000.000 đồng. A giữ điện thoại Samsung và 01 máy tính bảng. Riêng số vàng trộm được do S và A cất giữ. Còn 02 con heo đất đập ra có số tiền không lớn, điện thoại trộm tại nhà ông B thì đập bể và bỏ tại vườn cao su.

Sau khi chia tài sản trộm xong, cả ba về nhà Nguyễn Hữu D thuộc khu phố 7, thị trấn Đức Tài, tại đây có nhiều người. S đưa ống nhôm cho Bùi Văn N để nhờ xem có sử dụng được không. Số vàng trộm được theo S khai là A và S đem ra phía sau nhà của D chôn giấu. S đưa 6.000.000 đồng cho Nguyễn Minh L giữ.

Cơ quan điều tra truy tìm số vàng chôn giấu theo lời khai của S nhưng không tìm thấy.

Kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 20/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đức Linh xác định: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A7 của bà Nguyễn Thị T trị giá tại thời điểm bị mất là 5.803.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐG ngày 21/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đức Linh xác định tài sản của ông Hồ Văn B có giá trị tại thời điểm bị mất như sau:

Điện thoại di động hiệu Xphone là 184.000 đồng; 01 máy tính bảng (Ipad) 2.513.000 đồng; 01 ống nhôm hiệu Pomei 2.640.000 đồng; 45,12 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18k là 154.312.000 đồng.

Tài sản được thu hồi: 6.000.000 đồng D nộp; 6.000.000 đồng tiền S gửi cho L; ống nhôm hiệu Pomei, đã trả lại cho ông B.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại Xphone bị bể, 01 sổ mảnh vỡ của heo đất, 01 tấm vải màu xanh, 01 pin điện thoại hiệu Nokia, 01 sim điện thoại bị gãy, 01 nắp nhựa điện thoại màu đen, 01 bóp màu hồng, 01 xe mô tô hiệu Yamaha- Sirius biển số 86B8- 276.20, 01 bóp màu đen bên trong có CMND và 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Tiến D, 01 điện thoại Mobell, 01 điện thoại Samsung màu trắng; 01 điện thoại hiệu Iphone màu vàng đồng.

Về dân sự: những người bị hại yêu cầu bồi thường theo giá trị định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Đức Linh.

Tại Cáo trạng số 50/QĐ/KSĐT/VKS-HS ngày 30/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố Bùi Trần Thanh S, Trương Tiến D ra trước Tòa án nhân dân huyện Đức Linh để xét xử về tội: Trộm cắp tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, rút phần án tích đối với bị cáo S và giữ nguyên các nội dung khác, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản Điều 48 của Bộ luật hình sự cho 02 bị cáo; xử phạt Bùi Trần Thanh S từ 48 đến 60 tháng tù; xử phạt Trương Tiến D từ 42 đến 54 tháng tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về việc xử lý vật chứng và trách nhiệm bồi thường cho những người bị hại.

Các bị cáo thừa nhận cáo Trạng truy tố đúng tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Người bị hại có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của 02 bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo, người bị hại;

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người bị hại về số tài sản các bị cáo chiếm đoạt, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, thể hiện: Trong đêm ngày 25/5/2017 và rạng sáng ngày 26/5/2017; Nguyễn Ngọc A (hiện đã bỏ trốn), Bùi Trần Thanh S, sinh năm 1997 và Trương Tiến D, sinh năm 1992 đã cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Cụ thể: Các bị cáo lợi dụng đêm khuya, lúc mọi người đang ngủ đã cạy cửa nhà bà Nguyễn Thị T, ở thôn Z, xã SN, huyện Đ vào nhà lục tìm tài sản và lấy đi của bà T 01 điện thoại Samsung A7, trị giá 5.803.000 đồng và 70.000 đồng. Đến khoảng 4 giờ ngày 26/5/2017 các bị cáo tiếp tục cạy cửa nhà ông Hồ Văn B ở khu phố Y, thị trấn VX, huyện Đ vào nhà lục lợi nhiều nơi trong nhà lấy đi của gia đình ông B gồm: Điện thoại, máy tính bảng, ồng nhôm, hơn 45 chỉ vàng 24k , 0,5 chỉ vàng 18k và 18.500.000 đồng, với giá trị 178.149.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bà T và ông B là: 184.022.000 đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự- với tình tiết định tội: Tài sản chiếm đoạt có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây lo lắng, hoang mang và bức xúc trong nhân dân, nên cần xử phạt nghiêm khắc để răn đe, phòng ngừa.

Xét về tính chất, mức độ, động cơ phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, sau khi gặp nhau thì thống nhất đi trộm, chứ không bàn bạc, phân công hoặc chuẩn bị gì trước. Các bị cáo đều là người thực hành, chiếm đoạt tài sản có giá trị 184.022.000 đồng. Bị cáo S là người phạm tội có tính chất nguy hiểm và tích cực hơn so với bị cáo D, thể hiện như: Bị cáo S là người cạy cửa nhà bà T, nhà ông B, là người trực tiếp vào nhà lục lợi để tìm kiếm tài sản, sau khi tìm kiếm lần thứ nhất không thấy tài sản có giá trị lớn, thì bị cáo tiếp tục tìm kiếm lần thứ hai để tìm được tài sản là vàng, tiền tại nhà của ông B. Sau khi trộm được tài sản bị cáo là người chia số tiền nhiều hơn so với bị cáo D, là người trực tiếp đem giấu số vàng trộm được tại nhà ông B. Ngoài ra bị cáo S có nhân thân xấu; đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nhưng bị cáo không chấp hành quyết định này. Đối với bị cáo D cùng là người thực hành, trực tiếp vào nhà ông B canh chừng cho bị cáo S lục lợi tìm kiếm tài sản, dùng xe của mình chở A và S qua xã SN để trộm cắp, được chia tài sản trộm cắp. Do vậy, trong vụ án này bị cáo S phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo D.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả hai lần trộm cắp đều cấu thành tội phạm độc lập, nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát rút phần án tích của bị cáo S là phù hợp. Vì theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội phạm mà bị cáo S bị xét xử vào năm 2015 là không tính có án tích.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo khai báo thành khẩn, nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Qua phân tích trên cần phạt bị cáo S ở mức cao của khung hình phạt là phù hợp, phạt bị cáo D mức án thấp hơn so với Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Vật chứng trong vụ án:

-Đối với: 01 điện thoại Xphone bị bể, 01 số mảnh vỡ của heo đất, 01 tấm vải màu xanh, 01 pin điện thoại hiệu Nokia, 01 sim điện thoại bị gãy, 01 nắp nhựa điện thoại màu đen, 01 bóp màu hồng có liên quan đến việc phạm tội, hiện không còn giá trị nên tích thu tiêu hủy.

-01 xe mô tô hiệu Yamaha- Sirius biển số 86B8- 276.20, 01 bóp màu đen bên trong có CMND và 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Tiến D, 01 điện thoại Samsung màu trắng; 01 điện thoại hiệu Iphone màu vàng đồng là tài sản của bị cáo D. Mặc dù bị cáo D có sử dụng xe này làm phương tiện chở các bị cáo khác đi thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên đây là lần đầu bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, hơn nữa xét thấy bị cáo còn phải chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị hại, nên không tịch thu sung quỹ nhà nước, mà tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án là phù hợp.

-01 điện thoại Mobell, là tài sản của bị cáo S, không liên quan đến việc phạm tội và không có giá trị để đảm bảo một phần thi hành án, nên trả lại cho bị cáo S.

Về trách nhiệm dân sự: Thiệt hại về tài sản của những người bị hại là do hành vi phạm tội của các bị cáo gây nên, nên buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường. Trong vụ án này còn có Nguyễn Ngọc A tham gia và được chia tài sản, nhưng A đã bỏ trốn, nên trước mắt cần buộc bị cáo S và D liên đới bồi thường toàn bộ cho những người bị hại. Khi nào xét xử Nguyễn Ngọc A thì các bị cáo được quyền yêu cầu Nguyễn Ngọc A hoàn lại phần giá trị tài sản thuộc trách nhiệm bồi thường của Nguyễn Ngọc A là hợp lý và đảm bảo cho người bị hại. Số vàng, điện thoại, Ipad của ông B; điện thoại, tiền của bà T bị mất không thu hồi được, các chủ sở hữu yêu cầu bồi thường theo giá trị của Hội đồng định giá tài sản xác định. Do đó buộc bị cáo S và D liên đới bồi thường là phù hợp pháp luật. Trong số tiền 18.500.000 đồng S được chia nhiều hơn D 500.000 đồng, nên buộc S bồi thường nhiều hơn D 500.000 đồng. Đối với số tiền 12.000.000 đồng và 01 ống nhôm đã thu hồi trả lại cho ông Hồ Văn B, nên không buộc các bị cáo phải bồi thường.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bùi Trần Thanh S và Trương Tiến D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Phạt: Bùi Trần Thanh S 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam: 27/5/2017.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Phạt: Trương Tiến D 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam: 27/5/2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 điện thoại Xphone bị bể, 01 số mảnh vỡ của heo đất, 01 tấm vải màu xanh, 01 pin điện thoại hiệu Nokia, 01 sim điện thoại bị gãy, 01 nắp nhựa điện thoại màu đen, 01 bóp màu hồng.

Trả lại cho Trương Tiến D: 01 xe mô tô biển số 86B8- 276.20, 01 bóp da màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng, 01 giấy CMND, 01 giấy phép lái xe mang tên Trương Tiến D. Tiếp tục tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 86B8- 276.20, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng để đảm bảo một phần thi hành án dân sự của Trương Tiến D.

Trả lại cho Bùi Trần Thanh S 01 điện thoại di động hiệu Mobell.

(Tất cả các vật chứng trên đang ở kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 6/9/2017).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, khoản 1 Điều 586, 587, 589 Bộ luật dân sự buộc Bùi Trần Thanh S và Trương Tiến D liên đới bồi thường cho: Bà Nguyễn Thị T số tiền 5.873.000 đồng; ông Hồ Văn B 9.197.000 đồng, 45,12 chỉ vàng 24k và 0,5 chỉ vàng 18K; cụ thể:

Bùi Trần Thanh S và Trương Tiến D mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị T số tiền 2.936.500 đồng.

Bùi Trần Thanh S bồi thường cho ông Hồ Văn B số tiền 4.848.500 đồng (vì S được chia nhiều hơn D 500.000 đồng, trong số tiền 18.500.000 đồng), 22.56 chỉ vàng 24K và 0,25 chỉ vàng 18K.

Trương Tiến D phải bồi thường cho ông Hồ Văn B số tiền 4.384.500 đồng, 22.56 chỉ vàng 24K và 0,25 chỉ vàng 18K.

Kể từ ngày những người được thi hành án khoản tiền trên có đơn yêu cầu thi hành án, Bùi Trần Thanh S và Trương Tiến D còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326 /2016/ UBTVQH14; buộc: Bùi Trần Thanh S và Trương Tiến D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bùi Trần Thanh S phải chịu và 4.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trương Tiến D phải chịu 4.075.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/9/2017), người bị hại

vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TAND, VKSND tỉnh
VKSND, Công an huyện
TTLLTP-QG, Sở Tư pháp Bình Thuận
Chi cục THADS huyện Đức Linh
Những người tham gia tố tụng
Lưu hồ sơ vụ án + Văn Phòng

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thái